

BIỂU CÂN ĐỐI TỔNG HỢP DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024
(Trình tại kỳ họp thứ 7 - HĐND xã khóa XXV)

Đơn vị: 1.000 đồng

Nội dung thu	Dự toán	Nội dung chi	Dự toán
Tổng số thu	6,135,000	Tổng số chi	6,135,000
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	34,000	I. Chi đầu tư phát triển	
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	391,000	II. Chi thường xuyên	6,135,000
		Trong đó: Tiết kiệm chi TX	65,400
III. Thu bổ sung	5,710,000		
- Bổ sung cân đối ngân sách	5,710,000		
- Bổ sung có mục tiêu			
IV. Thu chuyển nguồn		III. Dự phòng	

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024
(Trình tại kỳ họp thứ 7 - HĐND xã khóa XXV)

Đơn vị: 1.000 đồng

Nội dung	Ước thực hiện năm 2023		Dự toán năm 2024		So sánh %	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
1	2	3	4	5	6= 4/2	7= 5/3
Tổng số thu	5,988,092.111	5,988,092.111	6,135,000	6,135,000	102%	102%
1. Các khoản thu 100%	173,354	173,354	34,000	34,000	20%	20%
- Phí, lệ phí	27,602	27,602	15,000	15,000	54%	54%
- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	1,526.8	1,526.8	14,000	14,000	917%	917%
- Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
- Thu phạt, tịch thu khác theo quy định	4,625	4,625				
- Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
- Đóng góp của nhân dân theo quy định	122,600.0	122,600.0				
- Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
- Thu khác	17,000.6	17,000.6	5,000	5,000	29%	29%
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	937,636	937,635.843	391,000	391,000	42%	42%
1. Các khoản thu phân chia	77,709	77,709	71,000	71,000	91%	91%
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	63,965.7	63,965.7	60,000	60,000	94%	94%
- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	8,150.0	8,150.0	6,000	6,000	74%	74%
- Lệ phí trước bạ đất	5,593.1	5,593.1	5,000	5,000	89%	89%
2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	859,927.010	859,927.010	320,000	320,000	37%	37%
- Thu tiền sử dụng đất		0.0				
- Thuế giá trị gia tăng 80%	593,928.7	593,928.7	200,000	200,000	34%	34%
- Thuế TNCN: 80%	265,998.3	265,998.3	120,000	120,000	45%	45%
III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV. Thu chuyển nguồn	526,818.9	526,818.9				
V. Thu kết dư ngân sách năm trước	2,633.0	2,633.0				
VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4,347,650	4,347,650	5,710,000	5,710,000	131%	131%
- Bổ sung cân đối ngân sách	4,285,000	4,285,000	5,710,000	5,710,000	133%	133%
- Bổ sung có mục tiêu	62,650	62,650				

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2024

(Trình tại kỳ họp thứ 7 - HĐND xã khóa XXV)

Đơn vị: 1.000 đồng

[illegible]

KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2024

(Trình tại kỳ họp thứ 7 - HĐND xã khóa XXV)

Đ/v: đồng

Nội dung	Ước thực hiện năm 2023			Kế hoạch năm 2024		
	Thu	Chi	Chênh lệch (+) (-)	Thu	Chi	Chênh lệch (+) (-)
1	2	3	4	5	6	7
Tổng số	59,584	59,584	0	67,340	67,340	0
1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách	59,584	59,584	0	67,340	67,340	0
- Thu trạm phát sóng Viettel (2,5 tr/01 tháng x 12 tháng)	30,000.0	30,000.0	0	30,000	30,000	0
- Thu hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ BTXH sử dụng lượng điện dưới 50kw/ tháng quý (I+II+III)/2023	29,583.6	29,583.6	0	37,339.6	37,339.6	0
Thu hỗ trợ tiền công thu quỹ PCTT			0			
2. Các hoạt động sự nghiệp						
+ Chợ						
+ Bến bãi						
+						
.....						

Ghi chú: Chênh lệch (+) thu lớn hơn chi
Chênh lệch (-) thu nhỏ hơn chi